

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 10 - 2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, tài sản chung, nợ giữa bà C
và ông K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Võ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 18 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1998 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Đỗ Hoàng K, sinh năm 1995 (có mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1979 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, thị trấn T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An (theo đơn vắng mặt ngày 05 tháng 10 năm 2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2021 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà và ông Đỗ Hoàng K chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà và ông K chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp nhau, trong việc quản lý, sử dụng tiền bạc, ông K hay đánh đập bà. Bà Nguyễn Thị Kim C cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đỗ Hoàng K.

Về con chung: Hôn nhân giữa bà và ông Đỗ Hoàng K có hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, hiện hai người con do bà đang nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi người con, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), tại phiên tòa bà C xác định: bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi người con, mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: một chiếc xe biển số đăng ký: 62C 133.73 do bà đứng tên trong giấy đăng ký. Giá trị xe hiện nay là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), xe hiện nay do ông K đang quản lý và sử dụng. Bà yêu cầu chia, mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị, bà yêu cầu nhận bằng tiền.

Về nợ chung: Khi mua xe nêu trên, bà và ông K có mượn tiền của ông Nguyễn Thành V, bà Nguyễn Thị Hồng P với số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) vào khoảng tháng 6 năm 2019, khi mượn tiền thì bà ký biên nhận, ông K không có ký tên. Bà yêu cầu ông K cùng bà trả tiền cho bà P, ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Vào ngày 02 tháng 6 năm 2019, vợ chồng bà có cho con gái và con rể của bà là bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Hoàng K mượn số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) để bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Hoàng K mua chiếc xe biển số đăng ký: 62C 133.73. Khi giao tiền có mẹ ruột của bà là bà Đinh Thị Kiều làm chứng, cùng địa chỉ với bà. Khi cho mượn tiền ông K đếm tiền nhưng ông K không ký tên vào giấy mượn, chỉ có bà C ký nhận. Hiện nay, do bà C và ông K ly hôn nên bà và ông V yêu cầu bà C, ông K trả cho bà và ông V số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), bà và ông V không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Hồng P, ông không bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Đỗ Hoàng K trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim C chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C. Về mâu thuẫn là ngày 23 tháng 01 năm 2021 đến nay, mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất với nhau về cách chăm sóc con chung.

Về con chung: Hôn nhân giữa ông và bà C có hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, hiện hai người con do bà C đang nuôi dưỡng. Ông không đồng ý giao cho bà C nuôi dưỡng hết hai người con chung. Ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và giao cho bà C nuôi dưỡng người con chung có tên Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Một chiếc xe biển số đăng ký: 62C 133.73 do bà Nguyễn Thị Kim C đứng tên trong giấy đăng ký, giá trị xe hiện nay là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), xe hiện nay ông K đang quản lý và sử dụng. Ông yêu cầu nhận xe, có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C $\frac{1}{2}$ giá trị, với số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Về nợ chung: Không có nợ chung nên việc bà P, ông V yêu cầu ông trả tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) ông không đồng ý. Trước khi kết hôn nghề nghiệp của ông là lái xe, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), từ khi kết hôn với bà C đến nay ông tiếp tục làm nghề lái xe thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà không đồng ý giao cho ông K nuôi dưỡng người con chung có tên gọi là Đỗ Nguyễn Hoàng K, giữ nguyên yêu cầu nuôi dưỡng hai người con chung, yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con như khởi kiện. Nghề nghiệp của bà là trồng thanh long và mua bán quần áo, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

Bà C và ông K ly hôn, bà và ông V yêu cầu bà C, ông K trả cho bà và ông V số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành V trình bày:

Tại biên đối chất ngày 17 tháng 6 năm 2021, các đương sự giữ nguyên lời quan điểm như đã trình bày tại phiên hòa giải.

Tại phiên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 8 năm 2021, bà Đinh Thị Kiều xác định:

Vào buổi tối ngày 02 tháng 6 năm 2019, con ruột và con rể của bà là bà Nguyễn Thị Hồng P và ông Nguyễn Thành V có cho cháu ngoại của bà là bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Hoàng K mượn tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), bà trực tiếp nhìn thấy. Bà nghe cháu Chi, cháu Kha nói với nhau: mượn tiền để sáng hôm sau, cháu Chi và cháu Kha đi mua xe. Tại thời điểm cho mượn tiền là ngày 02 tháng 6 năm 2019, bà không ký giấy tờ gì. Chữ ký trên chữ viết Đinh Thị Kiều và chữ viết Đinh Thị Kiều trong giấy tiền ngày 02 tháng 6 năm 2019 do bà P cung cấp cho Tòa án là chữ ký và chữ viết của bà. Bà ký vào khoảng tháng 6 năm 2021.

Tại phiên tòa ngày 05 tháng 10 năm 2021, bà P xác định: Bà và ông V chỉ yêu cầu ông K trả cho bà và ông V $\frac{1}{2}$ số tiền là 135.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) số tiền bà C nợ bà và ông V thì bà và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết

trong cùng vụ án này vì bà C là con ruột của bà và ông V nên giữa bà, ông V và bà C tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa ngày 18 tháng 10 năm 2021, bà P xác định: Bà và ông V rút yêu cầu khởi kiện buộc Kha trả số tiền là 135.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và ông V có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện buộc ông K trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ xác định và đề nghị Hội đồng xét xử:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 97 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng thời hạn và trình tự thủ tục.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định tại các Điều 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông V có đơn xin xét xử vắng mặt, áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V.

Về hôn nhân: Bà C và ông K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông K là hôn nhân hợp pháp. Qua lời trình bày của bà C thì hôn nhân giữa bà và ông K hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau. Bà C cho rằng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với ông K và được ông K đồng ý. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

Về con chung: Bà C và ông K có 02 người con chung tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, hiện 02 người con do bà C đang nuôi dưỡng. Bà C yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 người con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 người con. Ông K đồng ý giao cho bà C nuôi dưỡng hai người con chung, tuy nhiên ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà C. Xét thấy, cả 02 người con đều dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay ông K làm nghề lái xe, thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng nên việc bà C yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 người con là phù hợp nên chấp nhận.

Về tài sản chung: bà C và ông K đều thống nhất có tài sản chung là 01 xe tải biển số 62C-133.73 do bà Nguyễn Thị Kim C đứng tên trong giấy đăng ký, giá trị xe hiện nay là 280.000.000 đồng, xe hiện nay ông K đang quản lý và sử dụng. Bà C và ông K đều thống nhất ông K nhận xe, ông K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C 1/2 giá trị xe. Xét thấy, việc thỏa thuận giữa bà C và ông K là phù hợp với quy định pháp luật

nên chấp nhận. Ông K được trọn quyền quản lý sử dụng xe tải biển số 62C-133.73 và có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C số tiền 140.000.000 đồng.

Về nợ chung: Hai đương sự trình bày không thống nhất, bà C cho rằng bà và ông K có mượn của ông V, bà P với số tiền là 270.000.000 đồng để mua xe tải. Bà C yêu cầu ông K liên đới cùng trả cho bà P, ông V số tiền 270.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông K cho rằng giữa ông và bà C không có nợ chung, số tiền mua xe là do cha ruột ông là ông Đỗ Tường Đức vay ngân hàng 150.000.000 đồng để cho ông mượn và tiền ông cho thuê đất, tiền bán vàng cưới và tiền ông tích lũy được nên ông không đồng ý cùng bà C trả số tiền 270.000.000 đồng cho ông V và bà P. Do tại phiên tòa, ông V, bà P rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết nợ chung.

Đối với yêu cầu độc lập của ông V, bà P: yêu cầu bà C, ông K trả số tiền là 270.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa, bà P và ông V rút yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút yêu cầu của ông V, bà P là hoàn toàn tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu của bà P, ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C và nơi cư trú của ông Đỗ Hoàng K, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Thành V đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Thành V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thành V.

[3] Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Hoàng K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Hoàng K nhưng không thành. Bà C xác định bà không còn tình cảm với ông K, bà C giữ nguyên nguyện vọng yêu cầu ly hôn với ông K. Đồng thời, ông K cũng đồng ý ly hôn với bà C. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông K đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hôn nhân giữa bà C và ông K có hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung là phù hợp vì hai người con chung dưới 36 tháng tuổi nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, giao cho bà C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Bà C yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi các con chung là có căn cứ nhưng mức yêu cầu 2.000.000đ (hai triệu đồng), mỗi người con, mỗi tháng là cao hơn so với thu nhập của ông K vì ông Đỗ Hoàng K là lao động phổ thông, ông K khai nhận thu nhập mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Mặt khác, bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của ông K. Do tại phiên tòa bà C xác định bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng, mỗi người con 1.000.000đ (một triệu đồng) và là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc ông Đỗ Hoàng K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi con chung mỗi tháng, mỗi người con 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi mỗi người con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K và Đỗ Nguyễn Thiên K; Vì lợi ích của các người con chung, bà C, ông K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà C, ông K có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Bà C, ông K cùng xác định có một chiếc xe ô tô biển số đăng ký: 62C 133.73 do bà Nguyễn Thị Kim C đứng tên trong giấy đăng ký, giá trị xe hiện nay là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng), xe hiện nay ông K đang quản lý và sử dụng. Giữa bà C và ông K đã thống nhất với nhau ông K nhận xe, ông K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà C $\frac{1}{2}$ giá trị, với số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà C và ông K về việc phân chia tài sản chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Đỗ Hoàng K được quyền sở hữu xe một chiếc xe ô tô biển số đăng ký: 62C-133.73 do bà Nguyễn Thị Kim C đứng tên trong giấy đăng ký. Ông Đỗ Hoàng K, bà Nguyễn Thị Kim C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật vì có biến động chủ sở hữu.

Buộc ông Đỗ Hoàng K phải có nghĩa vụ hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim C xác định, khi bà và ông K kết hôn thì bà và ông K có nợ của ông Nguyễn Thành V, bà Nguyễn Thị Hồng P với số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) để mua chiếc xe ô tô biển số đăng ký:

62C-133.73, còn ông K cho rằng không có nợ chung, ông và bà C không nợ ông Nguyễn Thành V, bà Nguyễn Thị Hồng P với số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) để mua chiếc xe ô tô biển số đăng ký: 62C 133.73 như bà C xác định. Đồng thời, ông K cũng xác định: Trước khi kết hôn với bà C, nghề nghiệp của ông là lái xe, thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), từ khi kết hôn với bà C đến nay ông K tiếp tục làm nghề lái xe thu nhập bình quân mỗi tháng 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tại phiên tòa, ông K cho rằng tiền mua xe là do ông mượn của ông Đỗ Tường Đức là cha ruột của ông với số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền cho thuê đất (đất do ông Đỗ Tường Đức đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) với số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền bán vàng được cho trong ngày cưới, cụ thể bán vàng ở tiệm vàng tên gì thì ông không nhớ, số lượng vàng bao nhiêu, giá vàng bao nhiêu thì ông cũng không nhớ. Do tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V rút yêu cầu bà C và ông K trả số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) nên không đặt ra xem xét.

[7] Bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V rút yêu cầu bà C và ông K trả số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Xét thấy việc bà P, ông V rút yêu cầu nêu trên là sự tự nguyện của bà P, ông V phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim C, ông K mỗi người trả số tiền 135.000.000đ (một trăm ba mươi lăm triệu đồng). Bà P, ông V có quyền khởi kiện bà C, ông K trả tiền theo quy định chung của pháp luật.

[8] Về án phí: Ông Đỗ Hoàng K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) x 5% = 7.000.000đ (bảy triệu đồng), bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) được đối trừ án phí sơ thẩm, bà C có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí với số tiền là 750.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Hoàng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) x 5% = 7.000.000đ (bảy triệu đồng) do nhận tài sản và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng số tiền ông Đỗ Hoàng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà P, ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng tại điểm a, b khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C về việc xin ly hôn với ông Đỗ Hoàng K.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Đỗ Hoàng K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim C được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021, hiện nay hai người con do bà C đang nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Đỗ Hoàng K cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng hai người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, mỗi người con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2021 cho đến khi mỗi người con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Hoàng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Đỗ Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2018 và Đỗ Nguyễn Thiên K, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2020, bà C cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông K thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Đỗ Hoàng K lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Kim C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Đỗ Hoàng K.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà C, ông K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà C, ông K có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Ông Đỗ Hoàng K được quyền sở hữu một chiếc xe ô tô biển số đăng ký: 62C 133.73 hiện nay do bà Nguyễn Thị Kim C đứng tên trong giấy đăng ký (xe và giấy đăng ký xe do ông Đỗ Hoàng K đang quản lý). Ông Đỗ Hoàng K, bà Nguyễn Thị Kim C có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật do có thay đổi về chủ sở hữu.

Buộc ông Đỗ Hoàng K phải có nghĩa vụ hoàn trả bà Nguyễn Thị Kim C số tiền là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V:

Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V về việc yêu cầu ông bà Nguyễn Thị Kim C, ông Đỗ Hoàng K trả tiền. Bà P, ông V có quyền khởi kiện bà C, ông K trả tiền theo quy định chung của pháp luật.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001000 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng), bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000751 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm, bà C có nghĩa vụ tiếp tục nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 750.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

Ông Đỗ Hoàng K phải chia án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.300.000đ (bảy triệu ba trăm đồng).

Bà Nguyễn Thị Hồng P, ông Nguyễn Thành V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà P, ông V đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000752 ngày 13 tháng 5 năm 2021 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được nhận lại.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Thành V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhĩa:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền